TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2019/HNGĐ-ST.
Ngày 24 -01 - 2019.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Cao Hoài Hiêm
Bà Dương Thị Mỹ Liên
Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên toà: *Ông Lê Hoàng Anh* – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 611/2018/TLST- HNGĐ ngày 03/12/2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/01/2019 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1980;
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1981.
Chị T, anh G cùng địa chỉ: Ấp L C, xã L H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng chị Trần Thị Thanh T (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn G tự chung sống với nhau năm 2000, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Chung sống với nhau tại nhà mẹ chồng ở L C quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do anh G có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chửi bới đuổi chị đi. Từ tháng 10/2018, chị dẫn các con thuê nhà trọ sống đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con tên Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh năm 2001; Nguyễn Tấn Tr, sinh năm 2002; Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 2004 hiện các con đang theo sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, yêu

cầu anh G cấp dưỡng nuôi hai cháu Tr, cháu Tr, mỗi cháu số tiền 750.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung gồm có: 01 xe Future Fi biển số 70L1 – 41480; 01 xe gắn máy RSX biển số 70L1 – 584.97 (chị đang giữ); 01 chiếc xe Dream Trung Quốc của cha chồng để lại; 03 con heo nái và 16 con heo con; 02 con bò (01 con bò mẹ, 01 con bò con); anh G đang giữ. Vợ chồng bỏ ra số tiền 16.000.000 đồng sửa nhà của mẹ chồng để vợ chồng ở; trồng 600 cây cao su trên đất của mẹ chồng tên Phạm Thị Liệp hiện chồng đang khai thác mủ. Ngoài ra không còn tài sản gì khác. Nguyện vọng: Yêu cầu chia đôi. Ngày 26/12/2018, chị T rút yêu cầu chia tài sản chung.

Nợ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Văn G (bị đơn) đối với yêu cầu của nguyên đơn ngày 13/12/2018 anh G trình bày: Thừa nhận lời trình bày của chị T về ngày tháng kết hôn, quá trình chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Nguyện vọng anh đồng ý ly hôn.

Con chung: Đồng ý để chị T nuôi. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con tên là cháu Tr, Tr theo yêu cầu của chị T mỗi cháu số tiền 750.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Vợ chồng đã tự giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình;

- Tuyên bố: Không công nhận chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn G là vợ chồng.

- Về con chung: Giao chị Trần Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng 03 người con tên là Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh năm 2001; Nguyễn Tấn Tr, sinh năm 2002; Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 2004. Anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr, cháu Tr mỗi cháu số tiền 750.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Căn cứ Điều 244 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Văn G.

- Nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn G. Toà án thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn G tự chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nay chị T và anh G đều yêu cầu được ly hôn. Xét thấy anh G chị T tự chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và không thuộc trường hợp được xem là hôn nhân thực tế nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh G không có giá trị pháp lý. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14 khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn G là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T và anh G có 03 người con Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh ngày 11/9/2001; Nguyễn Tấn Tr, sinh ngày 14/11/2002; Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 30/9/ 2004 hiện các cháu đang theo sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi, yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi hai cháu Tr, cháu Tr mỗi cháu số tiền 750.000 đồng/tháng. Xét thấy yêu cầu của chị T là phù hợp nên chấp nhận; giao cháu Nh, cháu Tr, cháu Tr cho chị T nuôi dưỡng. Buộc anh G cấp dưỡng nuôi cháu Tr, Tr mỗi cháu số tiền 750.000 đồng/tháng .

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên toà chị T rút yêu cầu chia tài sản chung nên căn cứ Điều 244 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của Trần Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Văn G là phù hợp.

[5] Nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tại phiên toà; xét thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T , anh Nguyễn Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố: Không công nhận chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn G là vợ chồng.

Tuyên xử:

1- Về con chung: Giao chị Trần Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng 03 người con gồm: Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh ngày 11/9/2001; Nguyễn Tấn Tr, sinh

ngày 14/11/2002; Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 30/9/2004. Buộc anh Nguyễn Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr, cháu Tr mỗi cháu số tiền 750.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu Tr, cháu Tr đủ 18 tuổi.

Anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

2- Về tài sản chung: Căn cứ Điều 244 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của Trần Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Văn G. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3- Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí:

- Chị Trần Thị Thanh T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.950.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0016538 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; hoàn trả chị T số tiền 3.650.000 (ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng.

- Anh Nguyễn Văn G phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên toà biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
-TA Tây Ninh;
-VKS Trảng Bàng;
-THADS Trảng Bàng;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu án văn;
-Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm